

# BIỆN PHÁP QUẢN LÝ DẠY HỌC TIẾNG TRUNG CỦA TRUNG TÂM ĐÀO TẠO HÁN NGỮ LÀO CAI – TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÀO CAI

Trần Việt Sơn

Trung tâm Đào tạo Hán ngữ – Trường Cao đẳng Lào Cai

**Tóm tắt:** Bài báo này tiếp cận vấn đề quản lý dạy học tiếng Trung không theo hướng lý luận truyền thống mà tập trung vào phân tích thực tiễn vận hành tại Trung tâm Đào tạo Hán ngữ Lào Cai. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các biện pháp quản lý mang tính ứng dụng cao, hướng đến nâng cao hiệu quả đào tạo, cải thiện trải nghiệm người học và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động khu vực biên giới. Các giải pháp tập trung vào tối ưu hóa vận hành, nâng cao hiệu suất giảng dạy, cá nhân hóa học tập và tăng cường liên kết thực tiễn.

**Từ khóa:** quản lý đào tạo, tiếng Trung, vận hành giáo dục, hiệu quả dạy học, Lào Cai.

## MANAGEMENT MEASURES FOR CHINESE LANGUAGE TEACHING AT THE LAO CAI CHINESE LANGUAGE TRAINING CENTER – LAO CAI COLLEGE

**Abstract:** This paper approaches the issue of managing Chinese language teaching from a traditional theoretical perspective, focusing instead on analyzing the practical operation at the Lao Cai Chinese Language Training Center. Based on this, the study proposes highly applicable management measures aimed at improving training efficiency, enhancing the learner experience, and meeting the needs of the labor market in the border region. The solutions focus on optimizing operations, improving teaching performance, personalizing learning, and strengthening practical linkages.

**Keywords:** training management, Chinese language, educational operation, teaching efficiency, Lao Cai.

Nhận bài: 13/01/2026

Phản biện: 04/03/2026

Duyệt đăng: 08/03/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế và phát triển mạnh mẽ của hoạt động giao thương Việt – Trung, nhu cầu sử dụng tiếng Trung tại các tỉnh biên giới như Lào Cai ngày càng gia tăng. Tiếng Trung không chỉ phục vụ giao tiếp thông thường mà còn là công cụ quan trọng trong các lĩnh vực như xuất nhập khẩu, du lịch, logistics và lao động. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về đào tạo nguồn nhân lực có năng lực sử dụng tiếng Trung trong môi trường thực tiễn.

Trung tâm Đào tạo Hán ngữ – Trường Cao đẳng Lào Cai là một trong những cơ sở đào tạo đóng vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu này. Tuy nhiên, thực tế cho thấy hoạt động dạy học tại Trung tâm vẫn còn một số hạn chế như: nội dung đào tạo chưa gắn sát với nhu cầu công việc, phương pháp giảng dạy chưa phát huy tính chủ động của người học, và công tác quản lý còn thiên về hành chính, chưa chú trọng đến hiệu quả đầu ra.

Bên cạnh đó, sự phát triển của công nghệ và xu hướng giáo dục hiện đại đòi hỏi các cơ sở đào tạo phải đổi mới cách thức quản lý theo hướng linh hoạt, lấy người học làm trung tâm và gắn với thực tiễn. Nếu không có sự thay đổi phù hợp, chất lượng đào tạo sẽ khó đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

Xuất phát từ thực tiễn trên, việc nghiên cứu và đề xuất các biện pháp quản lý dạy học tiếng Trung

tại Trung tâm theo hướng tiếp cận vận hành và hiệu quả là cần thiết. Nghiên cứu này nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời thu hẹp khoảng cách giữa quá trình học tập và khả năng ứng dụng trong thực tế.

### II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Thực trạng quản lý và vận hành dạy học tiếng Trung tại Trung tâm Đào tạo Hán ngữ

##### 2.1.1. Sự lệch pha giữa đào tạo và nhu cầu thực tế

Trong thực tiễn đào tạo tại Trung tâm, một trong những vấn đề nổi bật là sự chưa tương thích giữa nội dung giảng dạy và yêu cầu sử dụng tiếng Trung trong công việc. Phần lớn chương trình hiện nay vẫn được xây dựng dựa trên giáo trình chuẩn hóa (như HSK), thiên về cấu trúc ngôn ngữ, từ vựng và ngữ pháp, trong khi nhu cầu thực tế của người học lại tập trung vào khả năng giao tiếp nhanh, xử lý tình huống và sử dụng ngôn ngữ trong môi trường nghề nghiệp cụ thể.

Ví dụ, học viên làm việc tại cửa khẩu cần khả năng trao đổi nhanh về thủ tục, hàng hóa; người làm du lịch cần kỹ năng thuyết minh, hướng dẫn; trong khi đó chương trình học lại ít đề cập đến các tình huống này. Điều này dẫn đến tình trạng “học xong nhưng chưa dùng được”, làm giảm hiệu quả đào tạo và ảnh hưởng đến uy tín của Trung tâm. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc thiếu sự tham gia của doanh nghiệp trong quá trình xây dựng chương trình, cũng như chưa có cơ chế cập nhật nội dung đào tạo theo nhu cầu thị trường.

### 2.1.2. Hiệu quả tổ chức giờ học chưa cao

Quan sát hoạt động lớp học cho thấy phương pháp giảng dạy vẫn mang nặng tính truyền thống, trong đó giảng viên giữ vai trò trung tâm, chủ yếu giảng giải kiến thức, còn học viên tiếp nhận thụ động. Thời lượng dành cho thực hành, đặc biệt là luyện nói và phản xạ ngôn ngữ, còn hạn chế. Nhiều lớp học chưa khai thác hiệu quả các hình thức tổ chức dạy học tích cực như làm việc nhóm, thảo luận, mô phỏng tình huống hay đóng vai. Điều này khiến môi trường học tập thiếu tính tương tác, dẫn đến việc người học ít có cơ hội sử dụng ngôn ngữ trong bối cảnh gần với thực tế.

Hệ quả là: Khả năng ghi nhớ từ vựng và cấu trúc không bền vững; Kỹ năng giao tiếp phát triển chậm; Người học dễ mất hứng thú; Vấn đề này không chỉ nằm ở phương pháp giảng dạy mà còn liên quan đến cách quản lý lớp học, khi chưa có các tiêu chí cụ thể để đánh giá mức độ tương tác và hiệu quả giờ học.

### 2.1.3. Quản lý học viên còn mang tính hình thức

Hiện nay, công tác quản lý học viên chủ yếu tập trung vào các yếu tố hành chính như điểm danh, kiểm tra định kỳ và điểm số. Trong khi đó, các khía cạnh quan trọng hơn như mức độ tiến bộ cá nhân, khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế hay thái độ học tập chưa được theo dõi một cách hệ thống.

Việc thiếu các công cụ đánh giá quá trình khiến Trung tâm khó nắm bắt được: Học viên đang gặp khó khăn ở đâu; Mức độ cải thiện qua từng giai đoạn; Sự khác biệt giữa các nhóm học viên

Ngoài ra, chưa có cơ chế cá nhân hóa việc học, dẫn đến tình trạng: Học viên yếu bị tụt lại phía sau; Học viên khá không được phát huy. Điều này làm giảm hiệu quả chung của lớp học và ảnh hưởng đến chất lượng đầu ra.

### 2.1.4. Hệ thống kiểm tra – đánh giá chưa phản ánh đúng năng lực

Hoạt động đánh giá hiện nay vẫn thiên về kiểm tra viết và ghi nhớ kiến thức, trong khi các kỹ năng quan trọng như nghe và nói chưa được chú trọng đúng mức. Một số bài kiểm tra mang tính hình thức, chưa gắn với tình huống sử dụng ngôn ngữ trong thực tế.

Việc thiếu đa dạng trong phương thức đánh giá dẫn đến: Không phản ánh đúng năng lực giao tiếp của người học; Học viên có xu hướng học để thi thay vì học để sử dụng; Giảng viên khó điều chỉnh phương pháp giảng dạy. Ngoài ra, chưa có hệ thống tiêu chí đánh giá rõ ràng theo chuẩn đầu ra (ví dụ như HSK hoặc năng lực giao tiếp thực

tế), khiến việc đánh giá thiếu tính nhất quán.

### 2.1.5. Thiếu cơ chế phản hồi và cải tiến liên tục

Trong quá trình vận hành, hoạt động thu thập phản hồi từ học viên và giảng viên chưa được thực hiện thường xuyên và có hệ thống. Các ý kiến đóng góp nếu có cũng chưa được phân tích và sử dụng hiệu quả trong việc cải tiến chương trình và phương pháp giảng dạy. Việc thiếu cơ chế phản hồi hai chiều dẫn đến: Khó phát hiện kịp thời các vấn đề phát sinh; Quyết định quản lý mang tính chủ quan; Chậm cải tiến chất lượng đào tạo. Trong khi đó, trong bối cảnh giáo dục hiện đại, phản hồi được xem là một nguồn dữ liệu quan trọng để nâng cao hiệu quả vận hành.

### 2.1.6. Ứng dụng công nghệ trong dạy học còn hạn chế

Mặc dù có điều kiện tiếp cận công nghệ, nhưng việc ứng dụng vào dạy học và quản lý vẫn chưa thực sự hiệu quả. Phần lớn hoạt động giảng dạy vẫn diễn ra theo hình thức truyền thống, chưa tận dụng được các công cụ số để hỗ trợ học tập.

Các hạn chế bao gồm: Chưa có hệ thống quản lý học tập (LMS) đồng bộ; Tài liệu số còn rời rạc, chưa được tổ chức khoa học; Chưa khai thác dữ liệu học tập để phân tích và cải tiến. Điều này làm giảm khả năng mở rộng quy mô đào tạo, đồng thời hạn chế việc cá nhân hóa học tập cho từng học viên.

### 2.1.7. Mức độ gắn kết với doanh nghiệp còn hạn chế

Một trong những điểm yếu trong vận hành đào tạo là sự liên kết giữa Trung tâm và doanh nghiệp chưa chặt chẽ. Doanh nghiệp chưa tham gia sâu vào quá trình xây dựng chương trình, đánh giá người học hay tổ chức thực tập. Hệ quả là: Nội dung đào tạo thiếu tính cập nhật; Học viên thiếu cơ hội trải nghiệm thực tế; Khả năng đáp ứng công việc sau đào tạo chưa cao. Trong khi đó, đối với đào tạo ngoại ngữ mang tính ứng dụng như tiếng Trung tại Lào Cai, sự gắn kết với doanh nghiệp là yếu tố then chốt để đảm bảo chất lượng và tính thực tiễn.

Từ các phân tích trên có thể thấy, những hạn chế trong quản lý dạy học tiếng Trung tại Trung tâm không chỉ nằm ở từng khâu riêng lẻ mà mang tính hệ thống, liên quan đến cách thức tổ chức và vận hành tổng thể. Do đó, việc đề xuất các biện pháp quản lý cần hướng tới giải quyết đồng bộ các vấn đề, đồng thời chuyển đổi từ mô hình quản lý hành chính sang mô hình quản lý theo hiệu quả và thực tiễn.

## 2.2. Biện pháp quản lý dạy học tiếng Trung của Trung tâm đào tạo Hán ngữ – Trường Cao đẳng Lào Cai

### 2.2.1. Thiết kế chương trình theo “kịch bản sử dụng ngôn ngữ”

Biện pháp thiết kế chương trình theo “kịch bản sử dụng ngôn ngữ” được xem là giải pháp nền tảng nhằm giải quyết trực tiếp vấn đề lệch pha giữa nội dung đào tạo và nhu cầu sử dụng tiếng Trung trong thực tế. Trong điều kiện đặc thù của Lào Cai – nơi tiếng Trung được sử dụng thường xuyên trong giao thương, du lịch và dịch vụ – việc xây dựng chương trình theo hướng tình huống thực tiễn là yêu cầu tất yếu.

Khác với cách tiếp cận truyền thống, vốn tổ chức chương trình theo đơn vị bài học xoay quanh từ vựng và ngữ pháp, cách tiếp cận này đặt người học vào các “ngữ cảnh hành động” cụ thể. Mỗi học phần không chỉ nhằm cung cấp kiến thức ngôn ngữ mà hướng tới việc giúp người học thực hiện được một nhiệm vụ giao tiếp hoàn chỉnh, chẳng hạn như hướng dẫn khách du lịch, trao đổi thông tin hàng hóa tại cửa khẩu, hoặc xử lý tình huống dịch vụ. Việc học vì thế trở nên có mục tiêu rõ ràng, gắn liền với nhu cầu nghề nghiệp và tạo động lực học tập bền vững.

Để triển khai hiệu quả, Trung tâm cần tiến hành khảo sát nhu cầu thực tế từ doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động và chính người học nhằm xác định các tình huống giao tiếp điển hình. Trên cơ sở đó, chương trình được thiết kế theo chuỗi logic: tình huống – ngôn ngữ cần thiết – hoạt động thực hành – phản hồi và điều chỉnh. Điểm quan trọng là các kỹ năng ngôn ngữ không được tách rời mà tích hợp trong cùng một hoạt động, giúp người học hình thành năng lực sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt.

Tuy nhiên, việc chuyển đổi sang mô hình này đòi hỏi sự thay đổi đáng kể trong tư duy thiết kế chương trình và năng lực chuyên môn của giảng viên. Trung tâm cần tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, xây dựng tài liệu hướng dẫn và khuyến khích giảng viên sáng tạo trong xây dựng học liệu. Nếu được triển khai tốt, biện pháp này sẽ góp phần thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo và thực tiễn, nâng cao rõ rệt khả năng sử dụng tiếng Trung của người học.

### 2.2.2. Đổi mới quản lý hoạt động lớp học theo hướng tăng cường tương tác

Hiệu quả của một chương trình đào tạo không chỉ phụ thuộc vào nội dung mà còn chịu tác động lớn từ cách thức tổ chức lớp học. Do đó, đổi mới quản lý hoạt động lớp học theo hướng tăng cường tương tác là một biện pháp mang tính then chốt trong việc nâng cao chất lượng dạy học tiếng Trung.

Trong thực tế, nhiều lớp học vẫn duy trì mô hình truyền thống với giảng viên đóng vai trò trung tâm, còn học viên tiếp nhận kiến thức một cách thụ động. Điều này đặc biệt không phù hợp với việc học ngoại ngữ, vốn đòi hỏi người học phải được thực hành thường xuyên để hình thành phản xạ ngôn ngữ. Vì vậy, công tác quản lý cần chuyển trọng tâm từ việc kiểm soát nội dung giảng dạy sang việc kiểm soát chất lượng tương tác trong lớp học.

Cụ thể, Trung tâm cần xây dựng các tiêu chí đánh giá giờ học dựa trên mức độ tham gia của học viên, như tỷ lệ thời gian thực hành, số lượt phát biểu, mức độ sử dụng tiếng Trung trong lớp. Đồng thời, giảng viên cần được định hướng áp dụng các phương pháp dạy học tích cực như đóng vai, thảo luận nhóm, mô phỏng tình huống hoặc giải quyết vấn đề. Những hoạt động này giúp tạo ra môi trường học tập năng động, nơi người học có cơ hội sử dụng ngôn ngữ trong các bối cảnh gần với thực tế.

Tuy nhiên, việc triển khai biện pháp này không tránh khỏi những khó khăn nhất định, đặc biệt là khi giảng viên chưa quen với phương pháp mới hoặc khi sĩ số lớp học lớn. Do đó, Trung tâm cần tổ chức tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy và xây dựng ngân hàng hoạt động mẫu để hỗ trợ giảng viên. Về lâu dài, việc duy trì một môi trường học tập tương tác cao sẽ góp phần cải thiện đáng kể kỹ năng giao tiếp và tăng hứng thú học tập của người học.

### 2.2.3. Xây dựng hệ thống theo dõi tiến bộ học viên theo quá trình

Một trong những hạn chế của công tác quản lý hiện nay là quá chú trọng vào kết quả cuối kỳ mà chưa quan tâm đầy đủ đến quá trình học tập của người học. Do đó, việc xây dựng hệ thống theo dõi tiến bộ học viên theo hướng liên tục và toàn diện là một yêu cầu cần thiết.

Biện pháp này hướng tới việc thiết lập hồ sơ học tập cho từng học viên, trong đó ghi nhận đầy đủ các thông tin về mức độ tham gia lớp học, kết quả bài tập, khả năng giao tiếp, cũng như sự tiến bộ qua từng giai đoạn. Thay vì chỉ đánh giá thông qua các bài kiểm tra viết, Trung tâm cần bổ sung các hình thức đánh giá đa dạng như ghi âm, quay video bài nói, đánh giá qua tình huống thực hành hoặc phản hồi trực tiếp từ giảng viên.

Việc ứng dụng công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai biện pháp này. Hệ thống quản lý học tập (LMS) có thể hỗ trợ lưu trữ dữ liệu, theo dõi tiến độ và cung cấp báo cáo phân

tích về quá trình học tập của từng học viên. Khi đó, giảng viên có thể dễ dàng phát hiện những điểm yếu của người học để kịp thời điều chỉnh phương pháp giảng dạy, đồng thời người học cũng có cơ hội tự đánh giá và cải thiện năng lực của mình.

Tuy nhiên, để hệ thống này hoạt động hiệu quả, Trung tâm cần xây dựng các tiêu chí đánh giá rõ ràng, tránh tình trạng đánh giá mang tính chủ quan hoặc hình thức. Đồng thời, cần đảm bảo khối lượng công việc của giảng viên không bị quá tải. Nếu được triển khai hợp lý, biện pháp này sẽ góp phần nâng cao tính cá nhân hóa trong đào tạo và cải thiện chất lượng đầu ra một cách bền vững.

#### 2.2.4. Tăng cường gắn kết đào tạo với doanh nghiệp

Trong đào tạo ngoại ngữ mang tính ứng dụng cao như tiếng Trung tại Lào Cai, sự gắn kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả đầu ra. Do đó, việc tăng cường mối liên kết này cần được xem là một biện pháp chiến lược trong quản lý dạy học.

Hiện nay, sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo còn hạn chế, chủ yếu dừng lại ở việc tiếp nhận lao động sau đào tạo. Điều này khiến chương trình giảng dạy thiếu tính cập nhật và chưa phản ánh đầy đủ yêu cầu của thực tiễn công việc. Vì vậy, Trung tâm cần chủ động thiết lập mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, đặc biệt là các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, du lịch và dịch vụ.

Các hình thức hợp tác có thể bao gồm: mời doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tổ chức các buổi giảng dạy chuyên đề, tạo điều kiện cho học viên thực tập hoặc trải nghiệm thực tế, và

triển khai các chương trình đào tạo theo đơn đặt hàng. Thông qua đó, người học không chỉ được tiếp cận với môi trường làm việc thực tế mà còn hiểu rõ hơn về yêu cầu nghề nghiệp, từ đó định hướng học tập phù hợp.

Tuy nhiên, việc duy trì mối quan hệ hợp tác bền vững đòi hỏi Trung tâm phải có cơ chế phối hợp rõ ràng, đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Đồng thời, cần có sự linh hoạt trong tổ chức đào tạo để thích ứng với nhu cầu đa dạng của doanh nghiệp. Nếu thực hiện tốt, biện pháp này không chỉ nâng cao chất lượng đào tạo mà còn góp phần xây dựng uy tín và thương hiệu cho Trung tâm trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp địa phương.

### III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng hoạt động quản lý dạy học tiếng Trung tại Trung tâm Đào tạo Hán ngữ Lào Cai vẫn còn tồn tại những hạn chế mang tính hệ thống, đặc biệt là sự lệch pha giữa đào tạo và nhu cầu thực tiễn, phương pháp tổ chức lớp học chưa hiệu quả, cũng như công tác đánh giá và theo dõi người học còn hình thức. Trên cơ sở phân tích thực tiễn, bài viết đã đề xuất một số biện pháp quản lý theo hướng tiếp cận vận hành và hiệu quả, bao gồm: thiết kế chương trình theo kịch bản sử dụng ngôn ngữ, tăng cường tương tác lớp học, theo dõi tiến bộ học viên theo quá trình và đẩy mạnh liên kết với doanh nghiệp.

Các biện pháp này có tính khả thi và phù hợp với bối cảnh đào tạo tại địa phương, góp phần nâng cao chất lượng dạy học, cải thiện năng lực sử dụng tiếng Trung của người học và đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động khu vực biên giới.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Đổi mới quản lý giáo dục nghề nghiệp theo hướng tiếp cận năng lực*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Đức Chính (2018), *Quản lý chất lượng trong giáo dục*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần Khánh Đức (2015), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thời kỳ hội nhập*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Richards, J.C. (2006), *Communicative Language Teaching Today*, Cambridge University Press.
- Brown, H.D. (2007), *Principles of Language Learning and Teaching*, Pearson Education.